

MỘT SỐ NÉT VỀ CÁC DOANH NGHIỆP LỚN Ở VIỆT NAM

Đình Trọng Thắng*

Các doanh nghiệp quy mô lớn đã có vai trò quan trọng chiến lược trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của các nền kinh tế thành công ở khu vực Đông Á. Tại Việt Nam, khi phân tích các doanh nghiệp lớn, chúng ta thường chỉ nhấn mạnh những yếu kém và phi hiệu quả của các tập đoàn kinh tế nhà nước, trong khi các vấn đề chính sách về quản lý, giám sát và khuyến khích phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân ít được đề cập và nghiên cứu.

Bài viết dưới đây cung cấp thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam trong thời gian gần đây.

1. Các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500) đã phải là lớn?

Khá nhiều các doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam chỉ ở quy mô nhỏ và vừa nếu so với

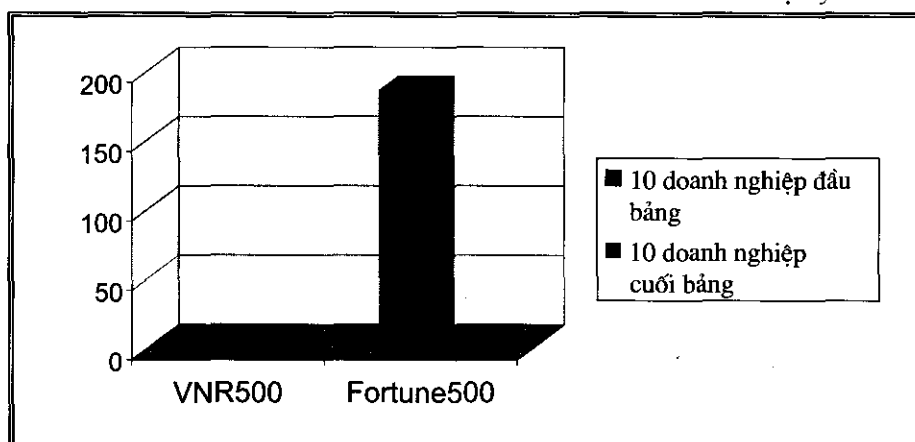
chuẩn quốc tế. Chẳng hạn, theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ (doanh nghiệp lớn là doanh nghiệp có trên 500 công nhân), trên 210 doanh nghiệp thuộc VNR500 vẫn bị coi là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Dù vậy, xét theo tiêu chuẩn doanh thu, nhóm 3 doanh nghiệp lớn nhất của VNR500 đã đạt doanh thu xấp xỉ 4 tỷ USD/năm, đủ tiêu chuẩn để lọt vào Danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Hoa Kỳ (Fortune 500). Cùng với thời gian, không có gì đáng ngạc nhiên nếu có doanh nghiệp Việt Nam lọt vào danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất toàn cầu.

Hiện đã có trên 10 công ty Việt Nam có doanh thu trên 1 tỷ USD/năm. Đặc biệt, trong năm 2007 và 2008, hầu hết các công ty viễn thông lớn của Việt Nam đã hoặc sẽ gia nhập câu lạc bộ doanh nghiệp có doanh thu trên 1 tỷ USD.

* Đình Trọng Thắng, Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

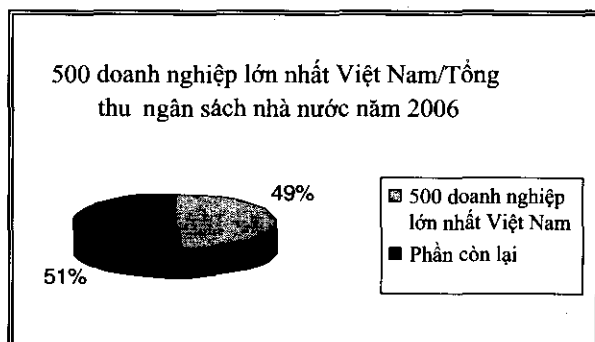
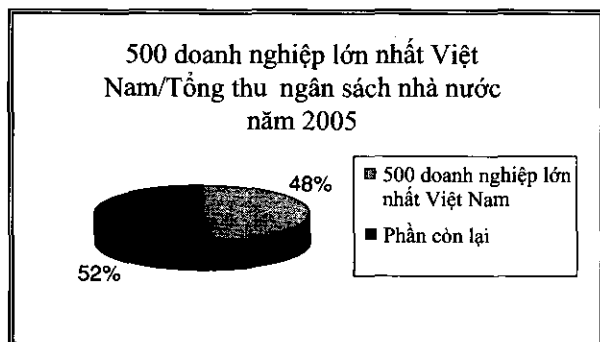
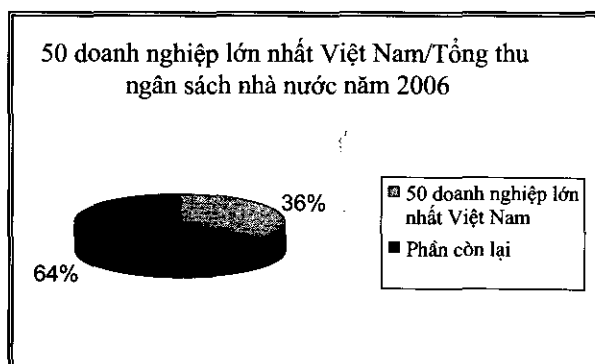
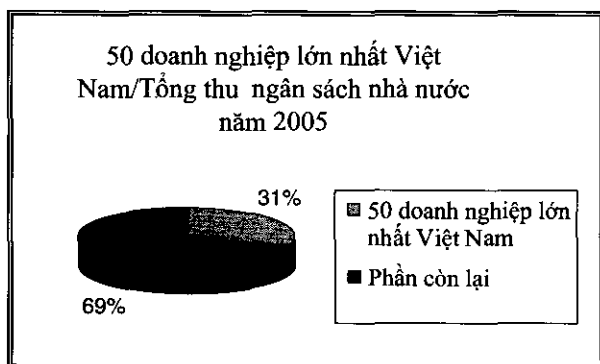
Đồ thị 1. Doanh thu trung bình của các doanh nghiệp VNR 500

Đơn vị: tỷ USD



	500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500	500 doanh nghiệp lớn nhất Hoa Kỳ Fortune500
10 doanh nghiệp đầu bảng	2,1	186,98
10 doanh nghiệp cuối bảng	0,042	3,98

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

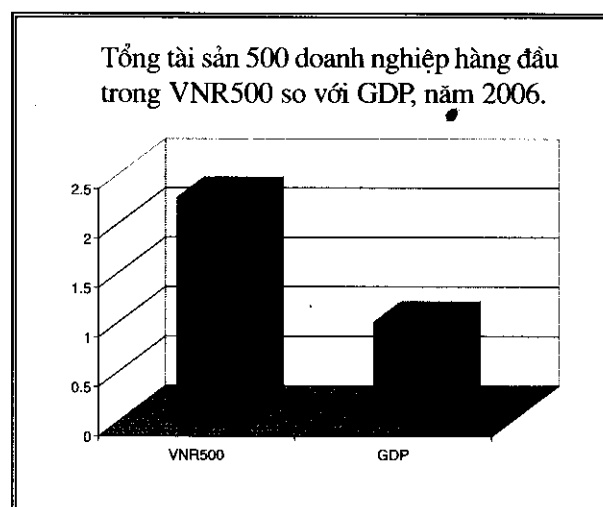
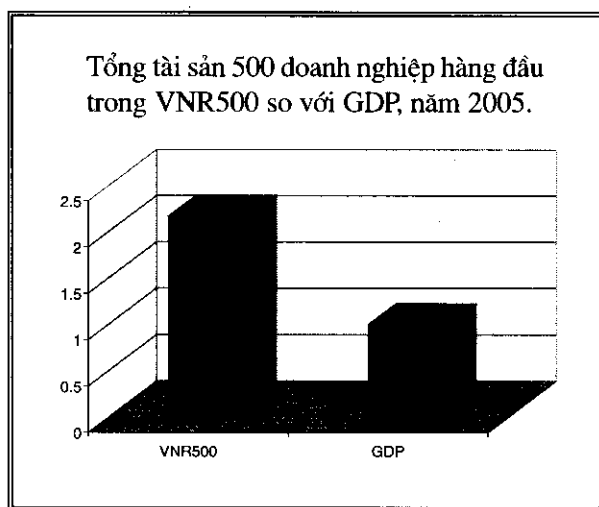
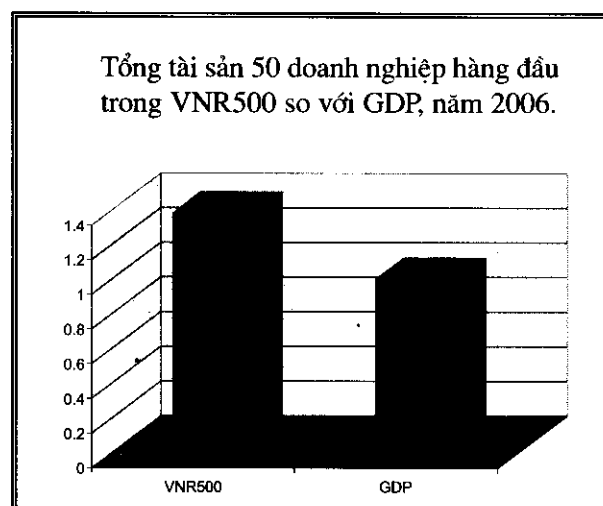
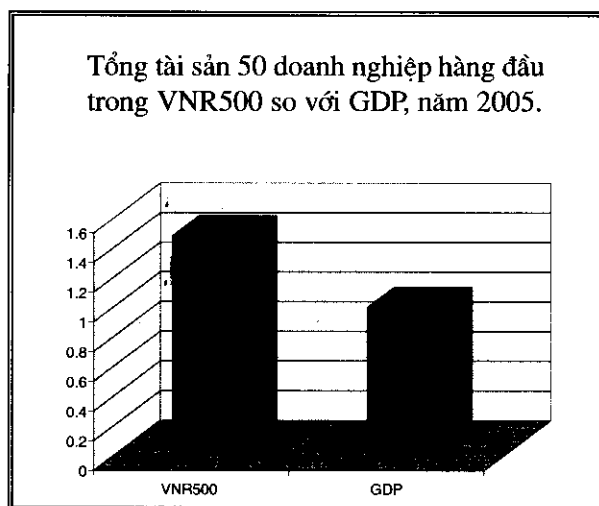
Đồ thị 2. Nộp ngân sách của doanh nghiệp VNR 500 trong tổng thu NSNN.

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Xét về tài sản, các doanh nghiệp lớn đang nắm giữ một khối tài sản khổng lồ ở Việt

Nam. Số tài sản khối doanh nghiệp lớn này nắm giữ vượt quá giá trị GDP của Việt Nam.

Đồ thị 3. Tổng tài sản của các doanh nghiệp VNR 500 so với GDP

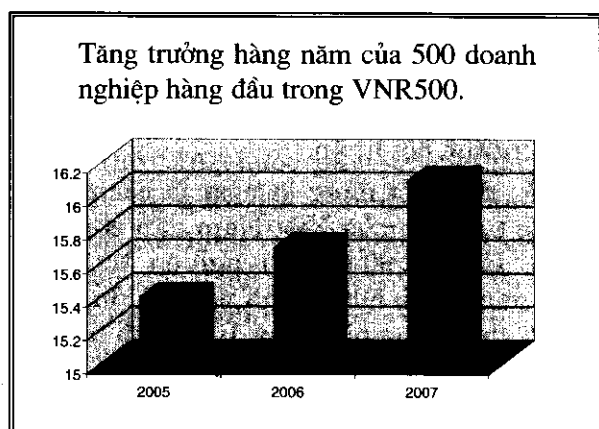
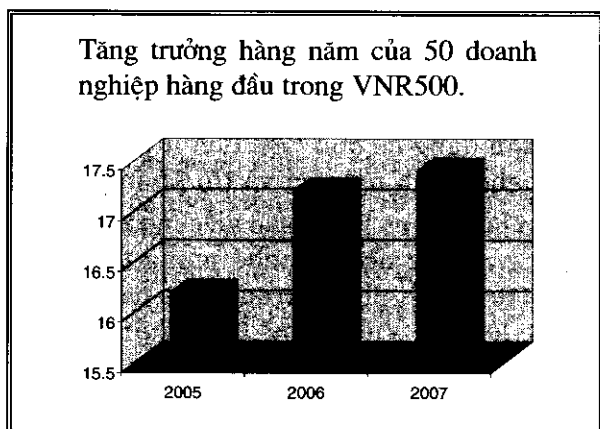


Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Qua hai đồ thị trên có thể thấy vai trò quan trọng của các doanh nghiệp lớn trong nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là về phần đóng góp cho ngân sách Nhà nước (NSNN). 50 công ty lớn nhất Việt Nam trong năm 2006 đã đóng góp tới 36,2% tổng thu NSNN.

Con số này đang trên đà gia tăng khi năm 2005, 50 công ty này chỉ đóng góp 31% NSNN.

Các doanh nghiệp lớn ở Việt Nam đã có một giai đoạn tăng trưởng khá ngoạn mục trong các năm 2004-2007.

Đồ thị 4. Tăng trưởng doanh thu của VNR 500.

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp VNR500 trong giai đoạn 2005-2007 còn lớn hơn nhiều so với tốc độ tăng doanh thu, đạt xấp xỉ 25%/năm. Môi trường kinh doanh thuận lợi trong những năm này đã khiến các doanh nghiệp tích lũy được nguồn vốn thặng dư khá cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp VNR500 luôn được sự "ưu ái" của các ngân hàng.

Theo điều tra của Công ty VietnamReport, đa số các doanh nghiệp lớn trả lời vay vốn trong giai đoạn 2005-2007 dễ hơn nhiều so với 5 năm trước. Các ngân hàng luôn thích cho các doanh nghiệp thành công vay vì những doanh nghiệp này có thu nhập tốt, dòng tiền ổn định và uy tín vững vàng.

Như vậy, các doanh nghiệp VNR500 đang là bộ phận chủ lực tạo nên sức mạnh của nền kinh tế Việt Nam. Rõ ràng, nền kinh tế Việt Nam không thể tiến lên phía trước nếu không dựa trên sự tiến bộ của các doanh nghiệp lớn.

Tuy nhiên, các tập đoàn kinh tế cũng có thể mang lại những rủi ro cho nền kinh tế. Đầu tiên phải kể đến là khả năng độc quyền của các tập đoàn kinh tế do thiếu sự cạnh tranh cần thiết. Hậu quả của vấn đề này thường thể hiện qua vấn đề thao túng giá cả, đầu cơ quyền lực kinh tế và chính trị. Ngoài

ra, tập đoàn kinh tế cũng có thể trở thành gánh nặng nếu các chiến lược phát triển của tập đoàn thường xuyên gắn chặt vào những biện pháp ưu đãi của chính phủ, chẳng hạn như hưởng các nguồn tín dụng chỉ định ưu đãi hoặc bảo hộ thị trường trong nước, hình thành mối quan hệ không minh bạch giữa chính phủ, ngân hàng và các tập đoàn, và từ đó sẽ có khả năng tạo ra khủng hoảng tài chính tiền tệ mà châu Á đã là một trường hợp điển hình xảy ra vào năm 1997.

2. VNR 500, ưu thế hiện nay của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp nhà nước

Nền kinh tế Việt Nam đang bị chi phối mạnh bởi khu vực Nhà nước. Có tới 270 trên 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước. Ngành nghề tập trung chủ yếu vào khai thác kinh doanh tài nguyên khoáng sản như: dầu khí, than và các ngành kinh tế nhà nước nắm thế độc quyền như hàng không, ngân hàng, tài chính, viễn thông, điện lực...

Sức mạnh kinh tế của Việt Nam cũng đang phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thể hiện ở sự góp mặt của 140 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Hơn nữa, phần

lớn các doanh nghiệp có vốn nước ngoài trong bảng xếp hạng thuộc lĩnh vực chế tạo và sản xuất, lĩnh vực đòi hỏi tính cạnh tranh cao về công nghệ, vốn và trình độ quản lý. Điều này phản ánh phần nào khả năng cạnh tranh yếu của các doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập.

Điều đặc biệt đáng lo ngại là các doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam vẫn chưa đủ mạnh. Chỉ có 90 doanh nghiệp tư nhân trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất. Doanh thu trung bình của 10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2006 chỉ ở mức xấp xỉ 200 triệu USD. Chỉ có khoảng 20 doanh nghiệp tư nhân có vốn chủ sở hữu trên 100 triệu USD.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp tư nhân lớn của Việt Nam đã thể hiện tính năng động và hiệu quả ở việc đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong những năm gần đây và đa phần các doanh nghiệp tư nhân lớn thuộc về nhóm ngành chế tạo và sản xuất, lĩnh vực đòi hỏi đầu tư có bài bản trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

3. Doanh nghiệp VNR 500 và thời điểm thay đổi

Với việc Việt Nam đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp lớn của Việt Nam đang đứng trước một thời điểm thay đổi khó khăn.

3.1. Thay đổi về chiến lược phát triển

Việc quá dư thừa vốn khiến nhiều trong số các doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân nội địa, không thể cưỡng nổi sức hút của thị trường vốn và bất động sản đang bùng nổ.

Sẽ là quá vội vàng khi phê phán các doanh nghiệp lớn của Việt Nam trong việc đa dạng hóa đầu tư sang những ngành sản xuất mới, bao gồm cả tài chính và chứng khoán. Chiến lược này bản thân nó không xấu vì phù hợp với định hướng tìm kiếm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc dựa vào những khoản đầu cơ như nguồn lợi nhuận chủ chốt sẽ làm tăng độ phơi nhiễm rủi ro của các doanh

nh nghiệp. Hơn nữa, kinh nghiệm của các doanh nghiệp lớn thành công trên thế giới đều cho thấy họ đã kiểm chế tối đa việc đầu cơ. Đầu cơ lấy đi nguồn vốn khan hiếm khỏi những đầu tư nhằm tăng năng suất và tăng sức cạnh tranh. Nguy cơ là doanh nghiệp và cả ngành đang bỏ qua việc tích lũy kỹ năng, công nghệ, kinh nghiệm và thị phần.

Câu hỏi đặt ra là tại sao việc mở rộng đầu tư sang những ngành nghề mang tính đầu cơ lại trở thành phong trào trong các doanh nghiệp lớn của Việt Nam? Phải chăng nhiều doanh nghiệp lớn đang ở tình trạng dư thừa vốn và bế tắc trong định hướng phát triển?

Qua điều tra của công ty VietnamReport, có thể thấy nhiều doanh nghiệp Việt Nam trong danh sách VNR500 đang đứng trước một bước ngoặt về chiến lược phát triển trước sức ép gấp gáp của các đối thủ cạnh tranh nước ngoài.

Về cơ bản, lựa chọn chiến lược cho các doanh nghiệp lớn bao gồm bao gồm ba hướng chủ chốt: (1) nâng cấp hoạt động kinh doanh cốt lõi; (2) mở rộng thị trường xuất khẩu để trở thành công ty đa quốc gia; và (3) đa dạng hóa sang các lĩnh vực kinh doanh mới, thường là bất động sản, du lịch và tài chính.

Với những nút cổ chai của nền kinh tế về hạ tầng cơ sở, về nhân lực, về khoa học, công nghệ, các doanh nghiệp lớn của Việt Nam thực sự gặp khó khăn trong cả 3 định hướng chiến lược nêu trên.

- Các ngành kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp lớn, dựa trên công nghệ sử dụng nhiều lao động, không còn mang lại lợi nhuận cao và khó có triển vọng dài hạn.

- Doanh nghiệp không đủ kiến thức và công nghệ để cạnh tranh trên thị trường nước ngoài.

- Mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới là đầy rủi ro.

3.2. Thay đổi về mô hình tổ chức và quản trị công ty

Nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam, bao gồm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, đã hoặc đang chuyển sang các mô hình tổ chức phức tạp và sở hữu chéo

theo hướng công ty mẹ, công ty con hoặc theo hướng tập đoàn.

Tuy nhiên, khi quy mô doanh nghiệp càng lớn và càng phức tạp, nhiều vấn đề đang phát sinh về cơ chế quản trị tập đoàn; cơ chế giám sát; các thủ tục phá sản và các vấn đề liên quan đến cơ cấu sở hữu. Chuẩn mực kế toán và kiểm toán của Việt Nam vẫn còn khác biệt với chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) khiến cho việc quản lý tài chính đối với các công ty con và công ty liên kết còn chưa chặt chẽ. Điều này làm gia tăng đáng kể chi phí kinh doanh và làm giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, cho đến nay chưa có cơ chế giám sát các khoản đầu tư trong nội bộ tập đoàn, tổng công ty và liên doanh với các công ty nước ngoài, mà điển hình là vụ hình thành “công ty gia đình” liên kết với công ty nước ngoài để gian lận và giao dịch nội gián trong vụ điện kế điện tử của tổng công ty điện lực, tiền thân của tập đoàn EVN sau này.

Đối với các doanh nghiệp tư nhân tổ chức theo hình thức tập đoàn, hệ thống pháp luật kinh doanh của Việt Nam hiện nay chưa điều tiết và giám sát đủ chặt chẽ hoạt động của các thực thể kinh doanh này (tập đoàn không có tư cách pháp nhân theo Luật Doanh nghiệp). Nhiều hành vi giao dịch nội gián, tham nhũng và “rút ruột” cổ đông và công ty đang diễn ra bán công khai tại một số tập đoàn tư nhân. Quyền lực quản trị công ty tập trung vào một số ít người. Vai trò và ảnh hưởng của các cổ đông thiểu số trên thực tế kém hơn so với quy định của luật pháp. Kiểm soát nội bộ yếu và chưa hiệu quả. Kiểm soát bên ngoài đã hình thành nhưng còn kém hiệu lực. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển lâu dài của các tập đoàn tư nhân, làm hại lợi ích của cổ đông và của cả nền kinh tế.

Nếu không giải quyết được nút thắt cổ chai về quản trị công ty, các doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam rất khó có thể phát triển hơn nữa để trở thành các tập đoàn kinh tế mạnh, có sức cạnh tranh quốc tế.

Tóm lại, các doanh nghiệp lớn là lực lượng chủ lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Việt Nam trong các năm tới. Vấn đề là có quá ít các tập đoàn kinh tế có quy mô đủ lớn và hiệu quả cao, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế tư nhân, để có thể từng bước phát triển thành các công ty đa quốc gia. Trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập WTO, cạnh tranh gia tăng gắn liền với cơ hội và thách thức mới, nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam đang đứng trước bước ngoặt phát triển. Nhà nước một mặt cần kiểm chế hoạt động đầu cơ của các doanh nghiệp lớn, hướng nguồn vốn của các doanh nghiệp lớn vào hoạt động đầu tư nâng cao năng suất, mặt khác, cần trợ giúp các doanh nghiệp lớn trong việc thâm nhập về thương mại và đầu tư tại thị trường nước ngoài. Đặc biệt, cần có chính sách ưu tiên khuyến khích phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân song song với phát triển các tập đoàn kinh tế quốc doanh. Những chính sách này liên quan đặc biệt đến các chính sách phân phối, chính sách thuế, cơ chế bảo lãnh tín dụng tập đoàn cùng với các chính sách khác về đất đai. □

-
1. VNR500: 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo báo cáo của Công ty VietnamReport.
-

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Berger, Suzanne (2005), *How we compete: What companies around the world are doing to make it in today's global economy* phối hợp với MIT, New York: Currency Doubleplay.
- Dapice, David (2003), "Success story or Weird Dualism? A SWOT Analysis", Báo cáo đặc biệt cho UNDP.
- VietnamReport (2008), "Doanh nghiệp đối phó với khủng hoảng và suy thoái", VNR Quaterly Report No 1, 2008.
- Tổng cục Thống kê, "Điều tra doanh nghiệp Việt Nam" năm 2004, 2005, 2006, 2007.